

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG  
CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC TINH HOA

## CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

### 1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trung tâm: TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC TINH HOA

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có): Không có

- Địa chỉ hoạt động giáo dục: 213 Trần Bình Trọng, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 0903798690 / 0903798660

- Địa chỉ thư điện tử: tinhhoacenter@gmail.com

- Cổng thông tin điện tử (website):

<https://vn.kumonglobal.com/store-locator/kumon-tran-binh-trong/?lang=vi>

2. Tên chi nhánh và địa chỉ hoạt động của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

| STT | Tên chi nhánh | Địa chỉ hoạt động | Điện thoại | Địa chỉ thư điện tử | Cổng thông tin điện tử (website) |
|-----|---------------|-------------------|------------|---------------------|----------------------------------|
| 1.  | Không có      |                   |            |                     |                                  |

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư

- Loại hình cơ sở giáo dục: Trung tâm Giáo dục Kỹ năng sống và Hoạt động ngoài giờ chính khóa

- Chủ sở hữu: Công ty TNHH GIÁO DỤC TINH HOA

- Quốc gia/ Vùng lãnh thổ: Việt Nam

- Danh sách tổ chức, cá nhân góp vốn:

| STT | Tên Tổ chức, cá nhân góp vốn   | Tỉ lệ % |
|-----|--------------------------------|---------|
| 1.  | Công ty TNHH GIÁO DỤC TINH HOA | 100%    |

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Thông qua việc khám phá tiềm năng riêng biệt ở mỗi cá nhân và phát triển khả

năng ấy đến mức tối ưu, chúng tôi mong muốn đào tạo nên những công dân đức độ và tài năng, qua đó góp phần vào sự phát triển của cộng đồng thế giới.

- *Tầm nhìn:* Chúng tôi mong muốn mang đến cơ hội học tập Phương pháp Kumon đến với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ. Chúng tôi tin rằng mỗi cá nhân trên thế giới đều có thể chủ động khám phá tri thức, nuôi dưỡng niềm đam mê học hỏi và nỗ lực hết mình để biến ước mơ thành hiện thực.

- *Mục tiêu:* Cung cấp các chương trình dạy theo phương pháp Kumon chất lượng; hiệu quả, hỗ trợ học viên phát triển khả năng tự học, kỷ luật, tự tin, chủ động hội nhập; đồng thời đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, mở rộng quy mô và khẳng định uy tín trong lĩnh vực giáo dục ngoài công lập.

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.**

Sau khi được cấp phép thành lập vào ngày 12/08/2024. Trung tâm đã chính thức hoạt động tuyển sinh và giảng dạy.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:**

- Họ và tên: Đinh Trần Phi Phụng
- Chức vụ: Tổng giám đốc
- Địa chỉ làm việc: 213 Trần Bình Trọng, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 0933345476
- Địa chỉ thư điện tử: dinhtranphiphung@gmail.com

**7. Tổ chức bộ máy:**

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

| Tên quyết định                                                                                                                                | Tên trung tâm                                                  | Số quyết định     | Ngày cấp quyết | Cơ quan cấp                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|------------------------------|
| Quyết định Về việc cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty TNHH Giáo dục Tỉnh Hoa | Trung tâm Giáo dục Kỹ năng sống Công ty TNHH Giáo dục Tỉnh Hoa | 2766/QĐ-SGDD<br>T | 12/08/2024     | Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống  
và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Theo đề nghị của Công ty TNHH Giáo dục Tinh Hoa và Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty TNHH Giáo dục Tinh Hoa.

1. Địa điểm hoạt động giáo dục: 213 Trần Bình Trọng, Phường 03, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Giáo trình, tài liệu giảng dạy:

"Giáo trình Toán Kumon cấp độ 6A đến 5A" của Viện Giáo dục Kumon tại Nhật Bản, dành cho người học từ 04-06 tuổi;

"Giáo trình Toán Kumon cấp độ 4A đến E" của Viện Giáo dục Kumon tại Nhật Bản", dành cho người học từ 06-11 tuổi.

**Điều 2.** Công ty TNHH Giáo dục Tinh Hoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Điều 15 và Điều 16 Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Chính trị, tư tưởng, Trưởng phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Giáo dục Mầm non, Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ quan có liên quan và Công ty TNHH Giáo dục Tinh Hoa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Nơi Điều 4;
- UBND Quận 5;
- Phòng GD&ĐT Quận 5;
- Lưu: VT, TCCB (05).



Nguyễn Văn Hiếu

(Hình ảnh quyết định thành lập)

b. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): *Không có*

c. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Họ và tên: Đinh Trần Phi Phụng

- Chức vụ: Tổng giám đốc

- Điện thoại: 0933345476

- Địa chỉ làm việc: 213 Trần Bình Trọng, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh

- Nhiệm vụ và trách nhiệm: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động của Trung tâm.

Đảm bảo hoạt động đào tạo của Trung tâm tuân thủ và thống nhất với chính sách, nội dung đào tạo của Trung tâm. Giám sát các hoạt động hàng ngày của Trung tâm để đảm bảo mọi hoạt động của Trung tâm tuân thủ chính sách và quy định của pháp luật liên quan.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**

**Ký tên, đóng dấu**



**Họ và tên: Đinh Trần Phi Phụng**

## CÔNG KHAI THÔNG TIN THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

- Các khoản chi:

- Chi tiền lương:

| STT | Nội dung chi                              | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------|
| 1.  | Lương                                     | 524,806,844.00 / Năm       |
| 2.  | Phụ cấp                                   | 151,560,000.00 / Năm       |
| 3.  | Lương tăng thêm                           |                            |
| 4.  | Các khoản chi khác có tính chất như lương |                            |

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ:

| STT | Nội dung chi                                                                                            | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1.  | Chi mua sắm                                                                                             | 291,571,236.00/ Năm        |
| 2.  | Duy tu sửa chữa                                                                                         |                            |
| 3.  | Bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất                                                                    |                            |
| 4.  | Trang thiết bị                                                                                          |                            |
| 5.  | Thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ | 3,499,320,553.00 / Năm     |

- Chi hỗ trợ người học:

| STT | Nội dung chi         | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|----------------------|----------------------------|
| 1.  | Học bổng             | 0                          |
| 2.  | Trợ cấp              | 0                          |
| 3.  | Hỗ trợ sinh hoạt     | 0                          |
| 4.  | Hoạt động phong trào | 0                          |
| 5.  | Thi đua              | 0                          |
| 6.  | Khen thưởng          | 0                          |

- Chi khác:

| STT | Nội dung chi | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|--------------|----------------------------|
| 1.  |              |                            |
| 2.  |              |                            |
| 3.  |              |                            |

- Các khoản thu và mức thu đối với người học:

+ Học phí: 1.500.000 đồng

+ Lệ phí: 300.000 đồng

+ Tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển: Không có

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Không có

- Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù: Không có

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: Công khai học phí

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**

Ký tên, đóng dấu



Họ và tên: Đinh Trần Phi Phụng

## CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Giám đốc trung tâm (họ và tên): Đinh Trần Phi Phụng

| Trình độ          | Căn cước     |
|-------------------|--------------|
| Cử nhân ngoại ngữ | 079184004439 |

Tổng số giáo viên người Việt Nam: 04

| Trình độ    | Cơ hữu (người) | Thỉnh giảng (người) |
|-------------|----------------|---------------------|
| Cao Đẳng    | 1              | 0                   |
| Đại học     | 3              | 0                   |
| Sau Đại học | 0              | 0                   |

- Tổng số giáo viên người nước ngoài: Không có  
- Tổng số nhân viên: 02

| Trình độ    | Cơ hữu (người) | Thời vụ (người) |
|-------------|----------------|-----------------|
| Cao Đẳng    |                |                 |
| Đại học     | 2              |                 |
| Sau Đại học |                |                 |

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

- Tổng số phòng học: 02

| STT | Tên phòng học                         | Diện tích | Vị trí tầng |
|-----|---------------------------------------|-----------|-------------|
| 1.  | Phòng học dạy Kỹ Năng sống (Mầm non)  | 4m*5m     | Tầng 2      |
| 2.  | Phòng học dạy Kỹ Năng sống (Tiểu học) | 3m*3m     | Tầng 2      |

- Tổng số Phòng chức năng: 03

| STT | Tên phòng chức năng | Diện tích | Vị trí tầng |
|-----|---------------------|-----------|-------------|
| 1.  | Phòng tiếp tân      | 4m*4m     | Tầng lửng   |
| 2.  | Phòng Giám đốc      | 4m*4m     | Tầng lửng   |
| 3.  | Phòng nhân viên     | 3m*4m     | Tầng 3      |

- Số lượng thiết bị dạy học hiện có:

| STT | Tên thiết bị      | Số lượng |
|-----|-------------------|----------|
| 1.  | Bàn học sinh      | 35       |
| 2.  | Ghế học sinh      | 70       |
| 3.  | Bảng              | 1        |
| 4.  | Máy tính          | 4        |
| 5.  | Máy chiếu         | 1        |
| 6.  | Tivi              | 1        |
| 7.  | Kệ sách           | 1        |
| 8.  | Máy in, máy photo | 1        |

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục: Không có

3.1. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình

- Tên chương trình: Chương trình Toán theo phương pháp Kumon

- Quốc gia cung cấp: Nhật Bản

- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình: Kumon Institute of Education Co.,Ltd (KIE) là một tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Nhật Bản

Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục: Viện Nghiên cứu Giáo dục trực thuộc Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

3.2. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Việt

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**

Ký tên, đóng dấu



Họ và tên: **ĐINH TRẦN PHI PHỤNG**

## CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

### 1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học:

#### 1.1. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục:

- Đối tượng tuyển sinh: Mầm non và tiểu học
- Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh: mỗi tháng
- Các thông tin liên quan khác:

#### 1.2. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

| Khóa học                             | Quý 3/2026<br>(số lớp) | Quý 4/2026<br>(số lớp) | Tổng cộng<br>(số lớp) |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Mầm non (6A, 5A)                     | 3                      | 3                      | 6                     |
| Tiểu học (4A, 3A, 2A, A, B, C, D, E) | 3                      | 3                      | 6                     |

#### 1.3. Các chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục:

##### - Chương trình Toán (Mầm non):

+ **Mục tiêu:** Tạo phản xạ tốt về dãy số, đặt nền tảng cho kỹ năng tính nhẩm vững vàng; chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 với sự tự tin, thói quen học tập hằng ngày, tinh thần tự giác và khả năng tập trung để tiếp thu bài hiệu quả.

+ **Tài liệu:** Giáo trình Toán Kumon do Viện Giáo dục Kumon (Nhật Bản) biên soạn, được nhập khẩu hợp pháp, biên soạn phù hợp với độ tuổi mầm non.

+ **Thời lượng:** Tổng thời gian học khoảng 4 tháng với 32 tiết; mỗi tiết kéo dài 35 phút.

##### - Chương trình Toán (Tiểu học):

+ **Mục tiêu:** Tạo nền tảng Toán vững chắc; rèn luyện tư duy và phản xạ nhanh nhạy với bốn phép tính; hình thành và phát triển kỹ năng tự học, biết đặt mục tiêu học tập và sẵn sàng đón nhận thử thách.

+ **Tài liệu:** Giáo trình Toán Kumon do Viện Giáo dục Kumon (Nhật Bản) biên soạn, được nhập khẩu hợp pháp và thường xuyên cập nhật; nội dung chia thành nhiều cấp độ, phù hợp với khả năng và tiến độ học tập của học viên tiểu học.

+ **Thời lượng:** Tổng thời gian học khoảng 20 tháng, gồm 160 tiết; mỗi tiết kéo dài 35 phút

1.4. Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội đối với các chương trình giáo dục thường xuyên giảng dạy cho học viên dưới 18 tuổi: Không có

1.5. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục: Không có

2. Thông tin về kết quả hoạt động giáo dục trong năm học trước:

2.1 Kết quả tuyển sinh trong năm học trước: 136 học sinh

2.2 Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp phải công khai thêm nội dung: số lượng người học đang học. (chia theo số lượng người học là người Việt Nam, số lượng người học là người nước ngoài): Không có

2.3 Kết quả thi các chứng chỉ quốc tế: Không có

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**

Ký tên, đóng dấu



Họ và tên: ĐÌNH TRẦN PHI PHỤNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG  
CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC TỈNH HOA

MẪU SỐ 05

CÔNG KHAI DANH SÁCH NHÂN VIÊN

| Mã trung tâm: ( KNS-0228) |                   |          |          |                        |           |                 |
|---------------------------|-------------------|----------|----------|------------------------|-----------|-----------------|
| STT                       | Họ và tên         | Năm sinh | Trình độ | Ngày ký<br>HD Lao Động | Đóng BHXH | Vị trí việc làm |
| 1                         | ĐINH MAI THANH VY | 1996     | Đại học  | 1/08/2024              | Có        | Hành chính      |
| 2                         | LÊ THỊ KIM THOA   | 1995     | Đại học  | 1/03/2025              | Có        | Trợ giảng       |

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu



Họ và tên: ĐINH TRẦN PHI PHỤNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG  
CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC TINH HOA

Mẫu số 06

CÔNG KHAI DANH SÁCH GIÁO VIÊN NGƯỜI VIỆT NAM

| Mã trung tâm: ( KNS-0228) |                   |          |          |                   |                             |                        |                     |           |
|---------------------------|-------------------|----------|----------|-------------------|-----------------------------|------------------------|---------------------|-----------|
| STT                       | Họ và tên         | Năm sinh | Trình độ | Chuyên ngành      | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm | Cơ hữu/<br>Thỉnh giảng | Ngày ký<br>hợp đồng | Đóng BHXH |
| 1                         | LÂM THỊ BÍCH THÚY | 1987     | Đại học  | Sư phạm Toán      |                             | Cơ hữu                 | 1/08/2024           | Có        |
| 2                         | NGUYỄN THỊ HỒNG   | 1982     | Đại học  | Giáo dục tiểu học |                             | Cơ hữu                 | 1/08/2024           | Có        |
| 3                         | ĐINH THỊ HOÀI     | 1996     | Cao đẳng | Giáo dục mầm non  |                             | Cơ hữu                 | 1/08/2024           | Có        |
| 4                         | SOHAO TRẦN        | 1997     | Đại học  | Vật lý học        |                             | Cơ hữu                 | 1/08/2024           | Có        |

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG  
CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC TỈNH HOA

MẪU SỐ 08

CÔNG KHAI VỀ HỌC PHÍ

| Mã trung tâm: (KNS-0228) |              |                                          |          |                     |                     |         |
|--------------------------|--------------|------------------------------------------|----------|---------------------|---------------------|---------|
| STT                      | Môn dạy      | Tên chương trình giảng dạy               | Cấp độ   | Học phí năm 2025    | Học phí năm 2026    | Ghi chú |
| 1                        | Kỹ năng sống | Chương trình Toán theo phương pháp Kumon | 6A đến E | 1,500,000 VND/tháng | 1,500,000 VND/tháng |         |

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu



**DEPARTMENT OF EDUCATION AND TRAINING  
HO CHI MINH CITY  
LIFE SKILLS EDUCATION CENTER TINH HOA  
EDUCATION COMPANY LIMITED**

FORM 01

## DISCLOSURE OF GENERAL INFORMATION ON THE EDUCATIONAL INSTITUTION

**1. Name of the educational institution:**

- Name of the center: TINH HOA EDUCATION COMPANY LIMITED
- Name in foreign language (if any):
- Address of educational operation: 213 Tran Binh Trong Street, Cho Quan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Telephone: 0903798690 / 0903798660
- Email address: tinhhoacemter@gmail.com
- Website/portal: <https://vn.kumonglobal.com/store-locator/kumon-tran-binh-trong/?lang=vi>

**2. Names and addresses of branches of the educational institution, telephone, email address, website/portal (hereinafter collectively referred to as “website/portal”):**

| No. | Branch name | Address of operation | Telephone | Email address | Website/portal |
|-----|-------------|----------------------|-----------|---------------|----------------|
| 1   | None        |                      |           |               |                |

**3. Type of educational institution, directly managing agency/organization or owner; name of the investor establishing the educational institution, country/territory (for educational institutions with foreign investment); list of organizations and individuals contributing capital:**

- Type of educational institution: Center for Life Skills Education and Extracurricular Activities
- Owner: Tinh Hoa Education Company Limited
- Country/Territory: Viet Nam
- List of capital-contributing organizations and individuals:

| No. | Name of contributing organization/individual | Percentage (%) |
|-----|----------------------------------------------|----------------|
| 1   | Tinh Hoa Education Company Limited           | 100%           |

**4. Mission, vision, and objectives of the educational institution:**

- *Mission:* By discovering each individual's unique potential and developing it to the fullest, we aspire to nurture virtuous and talented citizens, thereby contributing to the advancement of the global community.

- *Vision:* We aim to bring the opportunity to learn through the Kumon Method to every country and territory. We believe that every individual in the world has the ability to actively explore knowledge, cultivate a passion for learning, and strive to make their dreams come true.

- *Objectives:* To provide high-quality teaching programs based on the Kumon Method that effectively support learners in developing self-learning ability, discipline, confidence, and proactiveness for global integration; while investing in modern facilities, expanding scale, and affirming our credibility in the field of non-public education.

**5. Summary of establishment and development history of the educational institution:**

Following its establishment license issued on 12<sup>th</sup> August 2024, center officially start teaching activities

**6. Information on the legal representative, spokesperson, or contact person:**

- Full name: Dinh Tran Phi Phung

- Position: General Director

- Work address: 213 Tran Binh Trong Street, Cho Quan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Telephone: 0933345476

- Email address: dinhtranphiphung@gmail.com

**7. Organizational structure:**

**a) Decisions on establishment, approval for establishment, merger, division, separation, for educational operation, suspension of educational operation of the educational institution or its branches (if any); Decision on appointment of the Director:**

| Name                                                                                                               | Center name                                                        | Number            | Issued date | Department |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|------------|
| Decision on granting permission to establish a Life Skills Education Center for Tinh Hoa Education Company Limited | Life Skills Education Center<br>Tinh Hoa Education Company Limited | 2766/QĐ-SGDD<br>T | 12/08/2024  | DOET HCMC  |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống  
và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa**

**CHÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Theo đề nghị của Công ty TNHH Giáo dục Tinh Hoa và Trường phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty TNHH Giáo dục Tinh Hoa.

1. Địa điểm hoạt động giáo dục: 213 Trần Bình Trọng, Phường 03, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giáo trình, tài liệu giảng dạy:

"Giáo trình Toán Kanton cấp độ 6A đến 5A" của Viện Giáo dục Kanton tại Nhật Bản, dành cho người học từ 04-06 tuổi;

"Giáo trình Toán Kanton cấp độ 4A đến 1" của Viện Giáo dục Kanton tại Nhật Bản", dành cho người học từ 06-11 tuổi.

**Điều 2.** Công ty TNHH Giáo dục Tinh Hoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Điều 13 và Điều 18 Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Trường phòng Tổ chức cán bộ, Trường phòng Chính trị, tư tưởng, Trường phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường phòng Giáo dục Mầm non, Trường phòng Giáo dục Tiểu học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ quan có liên quan và Công ty TNHH Giáo dục Tinh Hoa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này /.

Nơi nhận:  
- Như Điều 4;  
- UBND Quận 5;  
- Phòng GD&ĐT Quận 5;  
- Lưu: VT, TCCB-DTH.

**CHÁM ĐỐC**  
mẫu mực  
và  
chính xác  
Nguyễn Văn Hòa

*Picture of license*

b) Decisions on establishment, merger, division, separation, dissolution of affiliated units/members (if any): None

c) Full name, position, telephone, email address, workplace address, duties, and responsibilities of the institution's leaders and leaders of affiliated units/members (if any):

- Full name: Dinh Tran Phi Phung

- Position: General Director

- Telephone: 0933345476

- Workplace address: 213 Tran Binh Trong Street, Cho Quan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Duties and Responsibilities: To manage and administer all activities of the Center; to ensure that the Center's training activities comply with and are consistent with its policies and training programs; and to supervise the Center's daily operations in order to guarantee that all activities are conducted in accordance with its policies and the applicable legal regulations.

**DIRECTOR OF THE CENTER**

*(Signed and sealed)*



Name: Dinh Tran Phi Phung

## DISCLOSURE OF FINANCIAL REVENUES AND EXPENDITURES

1. Financial situation of the educational institution in the fiscal year immediately preceding the reporting period, in accordance with law, including the structure of revenues and expenditures as follows:

**- Expenses:**

**- Salary:**

| No | Content   | Amount (VND)          |
|----|-----------|-----------------------|
| 1  | Salary    | 524,806,844.00 / Year |
| 2  | Allowance | 151,560,000.00 / Year |
| 3  | Increase  |                       |
| 4  | Other     |                       |

**- Expenditure on facilities and services:**

| No | Content                                                                                     | Amount (VND)            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1  | Procurement expenses                                                                        | 291,571,236.00 / Year   |
| 2  | Maintenance and repair                                                                      |                         |
| 3  | Maintenance and operation of facilities                                                     |                         |
| 4  | Equipment                                                                                   |                         |
| 5  | Hiring of services directly related to education, training, research, and staff development | 3,499,320,553.00 / Year |

**- Student:**

| No | Content                    | Amount (VND) |
|----|----------------------------|--------------|
| 1  | Scholarships               |              |
| 2  | Allowances                 |              |
| 3  | Living allowances          |              |
| 4  | Extracurricular activities |              |

|   |              |  |
|---|--------------|--|
| 5 | Competitions |  |
| 6 | Awards       |  |

- Other:

| No | Content | Amount (VND) |
|----|---------|--------------|
| 1  |         |              |
| 2  |         |              |
| 3  |         |              |

**Revenues and applicable amounts payable by learners:**

- Tuition fees: 1.500.000 VND

- Charges: 300.000 VND

- All revenues and applicable amounts other than tuition fees and charges (if any) applicable during the course and projected for each subsequent course or level of education prior to enrollment/admission: None

**Annual policies and results of implementation regarding subsidies, tuition fee exemptions and reductions, scholarships for learners:** None

**Balance of funds as prescribed, including specific funds (if any):** None

**Other financial disclosure contents implemented in accordance with the provisions of law on finance, budget, accounting, auditing, and grassroots democracy:** None

**DIRECTOR OF THE CENTER**

*(Signed and sealed)*

  
Name: Dinh Tran Phi Phung

## DISCLOSURE CONDITIONS ENSURING QUALITY OF CONTINUING EDUCATION ACTIVITIES

### 1. Information on teaching staff, administrators and employees:

- Director (name): Dinh Tran Phi Phung

| Level                        | ID           |
|------------------------------|--------------|
| Bachelor of English Language | 079184004439 |

- Total of Vietnamese teacher: 04

| Level           | Full time teacher | Part-time teacher |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| College         | 1                 |                   |
| University      | 3                 |                   |
| Post University | 0                 |                   |

- Total of foreign teacher: 0

- Total of staff: 01

| Level           | Full time | Part-time |
|-----------------|-----------|-----------|
| College         |           |           |
| University      | 2         |           |
| Post University |           |           |

### 2. Information on facilities:

- a) Number and total area of classrooms, subject classrooms, functional rooms, and professional/administrative rooms according to the organizational structure of the center;

- Total number of classrooms: 02 rooms, including:

| No. | Room Name                | Area / Room | Location (Floor)      |
|-----|--------------------------|-------------|-----------------------|
| 1   | Preschool Classroom      | 4m*3m       | 2 <sup>nd</sup> floor |
| 2   | Primary school Classroom | 4m*5m       | 2 <sup>nd</sup> floor |

- Total number of functional rooms: 03 rooms, including:

| No. | Room Name     | Area / Room | Location (Floor)      |
|-----|---------------|-------------|-----------------------|
| 1   | Reception     | 4m*4m       | Mezzanine             |
| 2   | Director room | 4m*4m       | Mezzanine             |
| 3   | Staff room    | 4m*3m       | 3 <sup>rd</sup> floor |

b) Number of teaching equipment available as prescribed in the list of minimum teaching equipment for upper secondary level, compared against the minimum requirements under regulations.

| No. | Name of Equipment / Teaching Aid (provided in classroom) | Quantity |
|-----|----------------------------------------------------------|----------|
| 1   | Student Desk                                             | 35       |
| 2   | Student Chair                                            | 70       |
| 3   | Board                                                    | 1        |
| 4   | Computer                                                 | 4        |
| 5   | Projector                                                | 1        |
| 6   | Television                                               | 1        |
| 7   | Bookshelf                                                | 1        |
| 8   | Printer / Photocopier                                    | 1        |

**3. Information on educational quality assessment and accreditation results: none**

3.1 Name of the program, the country providing the program, and detailed information on the partner institution(s) implementing the integrated education program;

- *Program name:* Math Program under the Kumon Method

- *Country of origin:* Japan

- *Detailed information on the program provider:* Kumon Institute of Education Co., Ltd (KIE) is an organization established and operating under Japanese law.

Name of the foreign educational quality accreditation body or competent authority recognizing the educational quality: *Institute of Educational Research – Ho Chi Minh City University of Education (HCMUE)*

3.2 Language(s) used in the educational activities: *Vietnamese*

**DIRECTOR OF THE CENTER**

*(Signed and sealed)*



**Name: Đinh Tran Phi Phung**

## DISCLOSURE PLAN AND RESULTS OF CONTINUING EDUCATION ACTIVITIES

### 1. Information on the educational activity plan for the academic year:

#### 1.1. Enrollment Plan of the Educational Institution:

- Target Students: Preschool and Primary School
- Enrollment Timelines: Monthly
- Other Related Information:

#### 1.2. Educational institution's educational plan:

| Course                                     | Quarter<br>3/2026<br>(No. of<br>class) | Quarter<br>4/2026<br>(No. of<br>class) | Total<br>(No. of<br>class) |
|--------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------|
| Preschool (6A, 5A)                         | 3                                      | 3                                      | 6                          |
| Primary School (4A, 3A, 2A, A, B, C, D, E) | 3                                      | 3                                      | 6                          |

#### 1.3 Education plan of the educational institution:

##### - *Mathematics Program (Preschool):*

+ *Objectives:* To develop good numerical reflexes, establish a solid foundation for mental arithmetic skills, and prepare children for Grade 1 with confidence, daily study habits, self-discipline, and concentration for effective learning.

+ *Materials:* Kumon Mathematics textbooks compiled by the Kumon Institute of Education (Japan), legally imported and adapted to the kindergarten age group.

+ *Duration:* Approximately 4 months, comprising 32 lessons; each lesson lasts 35 minutes.

##### - *Mathematics Program (Primary School):*

+ *Objectives:* To establish a solid foundation in Mathematics; to train logical thinking and responsiveness in the four basic operations; to form and develop self-study skills, the ability to set learning goals, and readiness to take on challenges.

+ *Materials:* Kumon Mathematics textbooks compiled by the Kumon Institute of Education (Japan), legally imported and regularly updated; content is divided into multiple levels suitable to the ability and learning pace of primary school students.

+ *Duration*: Approximately 20 months, comprising 160 lessons; each lesson lasts 35 minutes.

**1.4. Requirements for coordination between the educational institution, families and society regarding continuing education programs taught to learners under 18 years old: None**

**1.5. Support activities for learners' study and daily life at the educational institution: None**

**2. Information on educational outcomes of the previous academic year:**

2.1 Enrollment results in the previous academic year: 136 student

2.2 Educational institutions implementing foreign educational programs or integrated educational programs must additionally disclose: ...the number of enrolled learners (...Vietnamese, ...Foreign): None

2.3 Results of international certification exams: None

**DIRECTOR OF THE CENTER**

*(Signed and sealed)*



**Name: Dinh Tran Phi Phung**

DEPARTMENT OF EDUCATION AND  
TRAINING HO CHI MINH CITY  
LIFE SKILLS EDUCATION CENTER OF TINH HOA EDUCATION COMPANY  
LIMITED

FORM 05

**DISCLOSURE LIST OF STAFF**

| Center code: KNS-0228 |                   |               |                   |                             |                               |              |
|-----------------------|-------------------|---------------|-------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------|
| No.                   | Full Name         | Year of Birth | Qualification     | Date of Employment Contract | Social Insurance Contribution | Job Position |
| 1                     | DINH MAI THANH VY | 1996          | Bachelor's Degree | 1/08/2024                   | Yes                           | Admin        |
| 2                     | LE THI KIM THOA   | 1995          | Bachelor's Degree | 1/3/2025                    | Yes                           | Assistant    |

**DIRECTOR OF THE CENTER**

(Signed and sealed)

  
 Name: Dinh Tran Phi Phung

DEPARTMENT OF EDUCATION AND  
TRAINING HO CHI MINH CITY

FORM 06

LIFE SKILLS EDUCATION CENTER OF TINH HOA EDUCATION COMPANY LIMITED

DISCLOSURE LIST OF VIETNAMESE TEACHERS

| Center Code: KNS-0228 |                   |               |                   |                           |                         |                       |                 |                  |
|-----------------------|-------------------|---------------|-------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------|------------------|
| No.                   | Full Name         | Year of Birth | Qualification     | Major                     | Pedagogical Certificate | Full-time / Part-time | Date of Signing | Social Insurance |
| 1                     | LAM THI BICH THUY | 1987          | Bachelor's Degree | Mathematics Education     |                         | Full time             | 1/08/2024       | Yes              |
| 2                     | NGUYEN THI HONG   | 1982          | Bachelor's Degree | Elementary Education      |                         | Full time             | 1/08/2024       | Yes              |
| 3                     | DINH THI HOAI     | 1996          | College Diploma   | Early Childhood Education |                         | Full time             | 1/08/2024       | Yes              |
| 4                     | SOHAO TRAN        | 1997          | Bachelor's Degree | Physics                   |                         | Full time             | 1/08/2024       | Yes              |

DIRECTOR OF THE CENTER

(Signed and sealed)



DEPARTMENT OF EDUCATION AND  
TRAINING HO CHI MINH CITY

FORM 08

LIFE SKILLS EDUCATION CENTER OF TINH HOA EDUCATION COMPANY LIMITED

DISCLOSURE OF TUITION FEES

| Center Code: KNS-0228 |            |                                         |        |                         |                         |         |
|-----------------------|------------|-----------------------------------------|--------|-------------------------|-------------------------|---------|
| No.                   | Subject    | Name of Training Program                | Level  | Tuition Fee for<br>2025 | Tuition Fee for<br>2026 | Remarks |
| 1                     | Life skill | Teaching Math using the Kumon<br>method | 6A - E | 1,500,000<br>VND/month  | 1,500,000<br>VND/month  |         |

DIRECTOR OF THE CENTER

(Signed and sealed)

